

KANJI HIỆN ĐẠI

CHỮ HÁN TRONG ĐỜI SỐNG NHẬT BẢN NGÀY NAY

KANJI NO GENZAI: REAL NA MOJISEIKATSU TO NIHONGO

by SASAHARA Hiroyuki

Copyright © 2011 SASAHARA Hiroyuki

All rights reserved.

Original Japanese edition published by SANSEIDO CO., LTD.

This Vietnamese edition is published by arrangement with SANSEIDO CO., LTD, Tokyo in care of Tuttle-Mori Agency, Inc., Tokyo.

KANJI HIỆN ĐẠI: CHỮ HÁN TRONG ĐỜI SỐNG NHẬT BẢN NGÀY NAY

Tác giả: Sasahara Hiroyuki

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2025

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, 2025

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam – thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị – Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người, và Tủ sách Y sinh (Medinsights). Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng; Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Sasahara Hiroyuki

Kanji hiện đại : Chữ Hán trong đời sống Nhật Bản ngày nay / Sasahara Hiroyuki ; Nguyễn Hoàng Thảo dịch. -

H. : Dân trí ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2025. - 264 tr. ; 24 cm

ISBN 978-604-40-9289-8

1. Tiếng Nhật 2. Chữ Hán

495.682 - dc23

DTM0603p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: truyenthong@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

S R S R H R R R H I R O Y U K I

KANJI HIỆN ĐẠI

CHỮ HÁN TRONG ĐỜI SỐNG NHẬT BẢN NGÀY NAY

Nguyễn Hoàng Thảo dịch

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương

Phụ trách bản quyền: Kim Ngân

Điều phối sản xuất: Nguyễn Hương & Vũ Thị Dung

Biên tập viên: Đặng Quân

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Huyền Bùi

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



<https://www.facebook.com/tramdocvn>

website: <http://tramdoc.vn/>

Mục lục

Lời nói đầu	9
-------------------	---

PHẦN 1. CHỮ HÁN CỦA NHẬT BẢN NGÀY NAY

Chương 1. Chữ Hán ngày nay nhìn từ tự thể, số nét và thứ tự nét	14
Cụm từ “宣” しくお願いします	14
Chữ Thọ (寿) trong ngày Tết	18
“Samurai hướng Tây”	21
“Tù điển nào bộ” và kim từ điển	23
Hình dáng của “khẩu”	26
Sự biến đổi trong bút pháp Kanji	28
Kanji có nhiều nét và những cách diễn đạt thú vị	29
Kanji có ngũ âm tương đương với 64 nét	33
Kanji có hơn 64 nét	35
Cách để tải ngộ những chữ hiếm gặp	38
Khai quật lại những chữ cổ xưa	40
Chương 2. Chữ Hán ngày nay nhìn từ biểu ký – chữ ngũ âm tương đương – tục giải	44
Hơn 20 tuổi thì phải dùng chữ 歳 thay cho chữ 才?	44
“Bouzen” (lơ đễnh) vì “bo-tto suru”	46
Sự thay đổi ý nghĩa của từ được tạo ra bởi Kanji – 性癖	50
Những phát triển mới của chữ 凹	51
Từ “chữ ma” đến “chữ cương thi”?	53
Sự lan truyền cách phát âm của Kanji	56
Chương 3. Chữ Hán ngày nay nhìn từ đoàn thể – khu vực – hoàn cảnh (Isō moji)	60
Isō moji và từ điển tiếng Nhật	60
Sự mở rộng của Ateji	62

Ateji có “tính 真面目”	64
Những khổ nạn của từ 真面目	67
Chặng đường phục nguyên của từ 真面目	69
Ateji của từ まじ	72
Sự xuất hiện của biểu ký 本気	74
Bối cảnh của biểu ký 本気	76
“Viết là 本気 thì...”	79
Sự trở dậy của biểu ký 真剣	81
Từ biểu 真剣 đến biểu ký 馬路	83
Biểu ký 馬路	84
Ký tự 爻, một trong những mũi nhọn của từ マジ	87
Chữ 椋 của オグシオ	88
Sự khác biệt về khu vực của biểu ký Iso	90
biểu ký Iso ngày nay	93
Sự lan truyền việc né tránh chữ 腐 (hủ) ở các quốc gia dùng chữ Hán khác	96
“サンタさんへ”: Thêm dấu ” vào へ	99
Dấu ” có trong cả chữ 様 (sama) trên thiệp mừng năm mới?	103
Ý nghĩa của dấu ”	106
Những “chữ số” ma quái	110

Chương 4. Chữ Hán ngày nay nhìn từ thực phẩm..... 113

Món gà tẩm bột chiên (karaage), hai chữ 唐 (đường) và 空 (không) có thể dùng thay nhau	113
Nguyên liệu làm bánh mochi (餅, bính)	117
Hình ảnh của 餅 (bính)	121
Nhân của bánh bao (饅頭, man đầu)	124
Chân tương của nhân (餡, hãm)	126
Tự thể 鼓 hay 鼓?	129
Những âm đọc chữ Hán cổ vẫn còn tồn tại ở Trung Quốc	131
Chữ 茶 (trà) vòng quanh thế giới	133
スパゲティ (spaghetti)	136
Chữ Kana biến thể của そば (soba)	139

PHẦN 2. CHỮ HÁN NGÀY NAY QUA GÓC NHÌN TỪ NƯỚC NGOÀI

Chương 1. Chữ Hán ngày nay nhìn từ những điểm giống và khác nhau ở những nước dùng chữ Hán.....	143
Chữ 八 (bát) may mắn.....	143
已 (や) むを得ず (bất đắc dĩ).....	145
Siêu thị làm bạn lạc lối?.....	149
Cảm nhận bằng “da thịt” (肌).....	153
Những thay đổi về ý nghĩa của các từ khi không sử dụng chữ Hán – 獵奇 (ryōki).....	155
Điểm tương đồng giữa “fusuma” và “áo dài” qua tự thể 襖.....	157
Sự lan tỏa của chữ 節 (tiết).....	160
Địa vị của 愛人 (ái nhân).....	161
Bóng hình của 妖精 (yêu tinh).....	164
Chương 2. Chữ Hán ngày nay qua góc nhìn của “tiền”	167
Tiền của Trung Quốc cũng là 円.....	167
Tiền của Hồng Kông, Đài Loan cũng là 円.....	169
Tiền của Hàn Quốc cũng là 円.....	171
Tiền của Nhật Bản cũng là 円.....	173
Chúng ta gọi “tiền” của nhau như thế nào?.....	175
Chữ Hán chỉ “tiền” dựa trên bộ Kim, thay vì chữ 円.....	178
Phần cuối về các chữ Hán chỉ “tiền”	180
Chương 3. Chữ Hán ngày nay khi nhìn từ trường học	183
Trường mẫu giáo.....	183
Tuổi của 学生 (học sinh).....	185
Vị thế của 先生 (tiên sinh).....	187
“Về sau con làm tiến sĩ hay bộ trưởng?”	189
Thi cử và các dấu $O \times \Delta$	192
Hàn Quốc không có dấu \times ư?	196
Trung Quốc và Việt Nam không có dấu Δ	198
Thế còn ở Việt Nam thì sao?.....	200

Tổng kết về O và x cùng những bổ sung từ Mỹ.....	201
Vừa không có 可 (khả) vừa không có cả 不可 (bất khả)? - Chữ Hán dùng để xếp loại.....	204
“Điểm xếp loại” của những quốc gia đã già từ chữ Hán.....	207
“Điểm xếp loại” ở Trung Quốc và so sánh tổng thể trong khối các nước dùng chữ Hán.....	210
Chương 4. Chữ Hán ngày nay khi nhìn từ Việt Nam.....	214
Chữ Hán của “Hà Nội”.....	214
“Vệ sinh” của Hà Nội.....	216
“Hành lý” của Việt Nam.....	219
Chữ Hán của nước Việt.....	221
Thăm trường Đại học ở Hà Nội.....	225
Những người Việt yêu thích chữ Hán.....	227
Chữ Hán của Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc khi nhìn từ Việt Nam.....	230
Cảm nhận đối với các chữ Hán do người Nhật tạo ra.....	233
“Tính Nhật” trong chữ Hán và ký hiệu thông qua so sánh với nước ngoài.....	236
Ký hiệu ♡ của Việt Nam.....	239
“心 của 魚” ở Việt Nam.....	242
Sự khác biệt về Hán ngữ trong các quốc gia dùng chữ Hán.....	245
Sức mạnh của 可愛い.....	248
Có phải chữ 美 không được ưa chuộng?.....	251
Chữ Hán ở Việt Nam đang hồi sinh?.....	253
Bút tích của Việt Nam.....	256
Tái bút.....	259

Lời nói đầu

Kanji (Hán tự) vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc và thuộc hệ chữ tượng hình. Đây là loại ký tự biểu ý, mang ý nghĩa sâu sắc và hoàn toàn khác với các ký hiệu thông thường. Kanji rất giàu sức biểu cảm, cho phép chúng ta nhấn mạnh sắc thái của từ vựng một cách tinh tế.

Khi nhắc tới Kanji, chúng ta thường bắt gặp những diễn ngôn mang tính khuôn mẫu, chẳng hạn như các câu sáo ngữ, đôi khi là các câu tục ngữ. Dù những nhận định này có vẻ đúng, nhưng liệu chúng có thực sự phản ánh đầy đủ cách sử dụng từng chữ Hán trong thực tế tại Nhật Bản không? Kanji có nhiều khía cạnh thú vị, và khi xem xét từng ví dụ cụ thể, chúng ta sẽ nhận ra một câu hỏi quan trọng cần được đặt ra.

Vậy, bản chất của Kanji trong tiếng Nhật là gì? Đây không phải câu hỏi có thể trả lời ngắn gọn trong một câu đơn lẻ. Để tìm ra lời giải đáp, trước hết chúng ta cần nhìn nhận Kanji một cách khách quan, xem chúng như một đối tượng nghiên cứu thay vì chỉ cảm nhận bằng trực giác. Bởi lẽ Kanji mang sức hút mạnh mẽ, nếu không cẩn trọng, chúng ta rất dễ bị cuốn vào mê cung của nó. Hãy thử đặt Kanji trong tương quan với các hệ thống chữ viết khác, đồng thời suy ngẫm về những trải nghiệm, nhận thức của bản thân, cũng như lắng nghe quan điểm từ người khác. Việc nghiên cứu có thể là một hành trình đầy thách thức, nhưng trong đó cũng ẩn chứa những niềm vui và khám phá bất ngờ.

Tính đa dạng trong hệ thống chữ viết (biểu ký) của tiếng Nhật là độc nhất vô nhị trên thế giới, và có nhiều lý do để giải thích cho

điều này. Ví dụ, một số người thích cách viết “tử dương hoa” (tên chữ Hán của hoa cẩm tú cầu) vì ký tự Kanji làm cho từ này trở nên bắt mắt và khắc họa được hình tượng đẹp đẽ của loài hoa này. Ngược lại, cũng có người không mấy thiện cảm với cách viết đó, vì ý nghĩa của Kanji khiến hình ảnh về loài hoa này bị giới hạn trong một màu sắc cụ thể¹.

Ngoài ra, không ít người cho rằng khi viết “Ajisai” (hoa cẩm tú cầu) bằng chữ Hiragana, từ này dễ gợi liên tưởng đến một con ốc sên. Trong khi đó, lại có ý kiến hài hước rằng nó nghe giống như tên một set đồ ăn trong nhà hàng. Mặt khác, một số người cảm thấy khó chịu khi “Ajisai” được viết bằng Katakana² vì nó mang cảm giác khô cứng, giống tựa đề của một cuốn sách ảnh hơn. Thế nhưng, cũng có người cho rằng đây mới là cách viết phù hợp nhất cho loài hoa này. Đây chính là thực tế trong cách cảm nhận của người Nhật. Tính đa dạng trong hệ thống biểu ký không chỉ làm phong phú thêm cảm xúc và suy nghĩ của mỗi người mà còn tạo ra một vòng tuần hoàn, nơi những cảm nhận ấy tiếp tục được tái tạo, tương tác và tác động lẫn nhau, làm cho sự nhạy cảm ngôn ngữ càng trở nên tinh tế và sâu sắc hơn.

Mỗi ký tự trong tiếng Nhật không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa mà còn gợi lên những cảm giác và ý thức như đúng-sai, đẹp-xấu, thiện-ác, cứng-mềm, lạnh-ấm, yêu-ghét... Những thông tin thị giác và tâm lý này khi kết hợp với cách viết và cách phát âm của một từ sẽ trở thành nhân tố mang tác động mạnh-yếu khác nhau. Trong hệ thống biểu ký, các nhân tố ấy sẽ không ngừng cạnh tranh, hỗ trợ lẫn nhau để định hình ra một cách biểu ký nào đó. Có vẻ như với mỗi kiểu biểu ký, mỗi người lại có một lý do riêng từ

1. Vì “tử” trong “tử dương hoa” nghĩa là màu tím. (BT)

Lưu ý: Trong sách này, các chú thích của người dịch sẽ ghi là (ND), của biên tập viên sẽ ghi là (BT), các chú thích còn lại là của tác giả.

2. Hiragana còn được biết đến với tên “chữ mềm”, Katakana là “chữ cứng”. (BT)

sâu thẳm trong tâm hồn để chọn cách cảm nhận và diễn giải. Chính từ những tình huống phức tạp ấy, các cách hiểu mới liên tục được tạo ra, bất kể đúng hay sai. Chúng ta có thể phân tích chữ viết và hệ thống biểu ký của Nhật Bản một cách lý thuyết mà không cần xét đến chiều sâu tinh thần trong đó. Cách tiếp cận này có thể hữu ích trong việc nắm bắt hệ thống và cấu trúc của chữ viết, nhưng khi đối diện với những ký tự và ký hiệu thực tế do con người tạo ra, nó có thể trở nên vô nghĩa.

Cuốn sách này được tổng hợp dựa trên loạt bài viết có tiêu đề “Kanji hiện tại” được đăng trên trang chủ của nhà xuất bản Sanseido. Khi soạn thành sách, tôi đã bổ sung thêm khá nhiều nội dung. Ngoài việc viết thêm nhiều đoạn, tôi cũng thay thế một số hình ảnh minh họa. Những sự kiện đến rồi đi, dường như mờ nhạt giữa dòng chảy thường nhật, nay được tôi ghi chép lại một cách khách quan. Nhờ việc duy trì thói quen viết lách đều đặn, tôi có cơ hội xâu chuỗi suy nghĩ và tổng hợp những ý tưởng của mình. Theo thời gian, việc ghi chép ấy dần trở thành một thói quen, giúp tôi ngày càng ý thức rõ hơn về mục đích của bản thân. Kể cả khi đi chơi, tôi vẫn tự hỏi liệu khả năng cảm thụ của mình đã tiến xa đến đâu. Trong cuốn sách này, tôi đã bộc bạch tất cả, những khó khăn, niềm vui cũng như phương pháp nghiên cứu và suy ngẫm của mình.

Lần nọ, có người hỏi tôi rằng: “Làm sao anh có thể vừa nghiên cứu một cách tỉ mỉ, vừa viết lách trôi chảy đến vậy?” Dù mỗi công việc có quy trình khác nhau, nhưng chúng không đơn thuần là những giờ miệt mài trên bàn làm việc. Nghiên cứu không nên là một trò chơi điên cuồng, cũng không nên là một cuộc thí nghiệm đầy khổ sở. Một phần của quá trình ấy, cả những gì đã thành hình lẫn những gì còn dang dở, sẽ xuất hiện đâu đó trong cuốn sách này.

Khi bắt đầu tìm hiểu về Kanji trong quá khứ, tôi ngạc nhiên khi nhận ra rằng có rất ít tài liệu từ 100 năm trước, hoặc thậm chí là 30 năm trước. “Hiện tại” là những thứ sẽ nhanh chóng bị xếp vào

quá khứ trong dòng chảy của thời gian và hoạt động của con người, chẳng hề đọng lại trong ký ức của mọi người cũng như lưu lại trong thư viện hay bảo tàng. Nếu bạn có thể cùng tôi suy ngẫm về hiện tại của Kanji, về những con người đã góp phần tạo nên và sử dụng những ký tự ấy, về cách mà chúng được dệt nên từ cả ngôn ngữ lẫn bối cảnh văn hóa thì đó sẽ là niềm hạnh phúc tột bậc đối với tôi.

PHẦN 1



Chữ Hán của Nhật Bản ngày nay

CHƯƠNG 1

Chữ Hán ngày nay nhìn từ tự thể, số nét và thứ tự nét

CỤM TỪ “宣”しくお願いします

Trong quá trình giảng dạy, tôi thường quan sát cách các sinh viên viết lách. Điều thú vị là những sinh viên mới nhập học thường cẩn thận viết lời nhắn chào hỏi dành cho tôi, và hầu như không thể thiếu câu quen thuộc: “Yoroshiku onegaishimasu” (Mong thầy giúp đỡ). Tuy nhiên, khi viết cụm “yoroshiku” bằng Kanji, hơn một nửa số sinh viên lại viết sai thành 宣しく. Có lần ít nhất 10 người liên tiếp đều mắc lỗi này.

Chữ Hán 宣 có cách đọc On’yomi¹ là “sen”, trong khi 宜 được đọc là “gi”. Hai chữ này trông hơi giống nhau nhưng lại mang ý nghĩa và cách sử dụng hoàn toàn khác biệt, giống như hai người chẳng hề liên quan nhưng lại có nét tương đồng về diện mạo. Trong *Bảng thường dụng Hán tự*, cả hai chữ này đều không có Kun’yomi². Nói cách khác, cách đọc “noberu” của chữ 宣 và “yoroshii”, “yoroshiku” của chữ 宜 đều là những cách đọc ngoại lệ, không được liệt kê chính thức. Có lẽ vì lý do này mà chúng thường không được giảng dạy đầy đủ trong môn Quốc ngữ ở các trường học.

1. On’yomi (音読み): âm đọc theo âm chữ Hán, tương tự như âm Hán Việt trong tiếng Việt. Ví dụ chữ Hán 山 đọc theo On’yomi tiếng Nhật là “san”, đọc theo On’yomi tiếng Việt là “son”. (BT)

2. Kun’yomi (訓読み): chỉ âm đọc chữ Hán theo nghĩa. Ví dụ, chữ Hán sơn (山) đọc theo Kun’yomi tiếng Nhật là “yama” (núi), đọc theo Kun’yomi tiếng Việt là “núi”. (BT)

Khi *Bảng thường dụng Hán tự* được cải cách vào năm 2010, cách đọc “yoroshii” theo âm Nhật đã từng được cân nhắc để bổ sung vào danh sách chính thức, nhưng cuối cùng không được chấp nhận. Tuy nhiên, trên thực tế, chữ này xuất hiện rất thường xuyên trong đời sống, buộc học sinh phải ghi nhớ cụm từ theo thị giác và viết chúng bằng các ký tự quen thuộc. Chính vì vậy, việc nhầm lẫn giữa 宣 và 宜 không phải là điều hiếm gặp.

Trên thực tế, những cụm từ bị trộn lẫn giữa hai chữ này có thể bắt gặp ở khắp mọi nơi. Đôi khi, ngay cả khi chữ đúng phải là 宜 với cách đọc “gi”, người ta vẫn vô thức viết nhầm thành 宣. Ngoài những từ thông dụng như 便宜 (*tiện lợi*) và 宣伝 (*tuyên truyền*), cũng có không ít trường hợp người ta sáng tạo ra những cách kết hợp vô cùng độc đáo, thậm chí là sai lệch hoàn toàn so với cách dùng chuẩn.

Tôi xin phép chia sẻ về sự xuất hiện của cụm từ 宣しく, vốn ra đời từ chữ viết tay. Mặc dù cuốn sách này bàn về “Kanji hiện đại” từ một góc nhìn đặc biệt, nhưng tôi vẫn muốn đề cập đến các thiết bị thông tin điện tử như một hiện tượng đặc trưng của thời đại hiện nay, hay nói cách khác là một hiện tượng đang diễn ra ngay trong thời điểm này.

Kết quả tìm kiếm từ khóa 宣しく trên Google (tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2009) cho thấy khoảng 65.100 lượt truy cập. Mặc dù con số này bao gồm cả những trích dẫn từ các nguồn uy tín hơn, nhưng vẫn có vô số trang web sử dụng cụm từ này một cách bình thường trong câu. Tuy nhiên, khi tôi kiểm tra vào ngày 15 tháng 4 cùng năm, kết quả tìm kiếm chỉ khoảng 7.830 lượt, điều này chưa chắc đã là do lượng sử dụng cụm từ này đã giảm mạnh một cách đột ngột vì lý do nào đó, biết đâu sự thay đổi này bắt nguồn từ sự can thiệp của công cụ tìm kiếm?

Trên màn hình máy tính cá nhân, đôi khi các phông chữ nhỏ khiến người đọc khó phân biệt được các ký tự với nhau. Chẳng hạn, khi nhìn vào chữ 宜, có thể nhiều người sẽ hiểu nhầm thành

chữ 宣. Dần dần, trí nhớ của người dùng được củng cố rằng đó chính là chữ mà họ cần tìm, rồi cứ lặp lại như vậy.

Ví dụ, khi gõ từ “yoroshiku”/よろしく trên máy tính, sau khi chuyển từ chữ Kana sang Kanji, nếu kết quả chuyển đổi là 宣しく, rất có thể phần mềm từ điển sẽ gặp phải sự cố hay lỗi (*bug*) gì đó. Hoặc có thể vì “yoroshiku” thường được viết là 宜しく, nên trường hợp này có thể do phần mềm đã cố tình đưa nó vào danh sách lựa chọn chuyển đổi. Dù vậy, giờ đây hiện tượng này không còn phổ biến nữa. Một khả năng khác là các trang web cho phép người dùng nhập dữ liệu qua bảng viết tay, dẫn đến việc nhập sai ký tự. Chúng ta cũng không thể loại trừ khả năng sai sót khi nhập liệu bằng công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR).

Tôi đã từng được một sinh viên cho xem từ điển Nhật – Pháp trong một bản kim từ điển, trong đó xuất hiện từ 宣しい (*sen-shii*) trong khi từ chính xác phải là 宜しく (*yoroshiku*). Có thể đây là lỗi nhập liệu của công nghệ OCR khi quét từ mặt giấy. Ngoài ra không ít người dùng thắc mắc khi gõ từ “yoroshiku” mà không thể chuyển đổi được thành chữ Hán chuẩn là 宜しく, thay vào đó chỉ hiện ra chữ 宣しく. Tương tự, cũng từng có một câu hỏi phổ biến trên các diễn đàn mạng rằng: Tại sao tôi không thể chuyển đổi chữ Hán cho từ “fuinki” (ふいんき), trong khi cách viết đúng phải là “fun’iki” (ふんいき).

Không chỉ trên máy tính cá nhân, mọi người cũng hay nhập các chữ Kanji mà họ không viết tay được trên điện thoại di động. Khoảng 10 năm trước, khi người dùng viết sai chữ 宣しく, tin nhắn gửi đi sẽ tự động chuyển thành 宜しく. Đây là kết quả khi họ gõ từ “yoroshiku”. Tuy nhiên, có những trường hợp người gửi lại sử dụng chữ 宣しく thay vì 宜しく. Khi được hỏi lý do, một số người giải thích rằng do giới hạn về số ký tự, nếu gõ “yoroshiku” sẽ không thể chuyển đổi được, vì vậy họ đã chọn nhập chữ Kanji 宣 thành *sen* (*tuyên*) thay vì 宜 (*nghe*). Điều này xuất phát từ dạng tin nhắn ngắn gọn thời kỳ đó. Một số người lại bảo rằng chữ 宣 có trong tên của một người bạn cùng lớp hồi cấp II, vì vậy họ có ấn tượng mạnh

với chữ này, trong khi lại ít sử dụng chữ 宜. Đây là lỗi nhập liệu dễ xảy ra với các dòng điện thoại của thời đó, khi mà chúng chỉ có thể chuyển đổi từng chữ Kanji một cách đơn lẻ. Trên thực tế, thời ấy trên thị trường chủ yếu là các loại điện thoại di động chỉ có chức năng gửi tin nhắn ở mức đơn giản như vậy mà thôi.

Từ những ví dụ thực tế trên, có thể thấy một số người có ý gõ chữ “senden” (せんでん) để chuyển đổi thành chữ Hán 宣伝 (*tuyên truyền*), sau đó xóa chữ 伝 đi. Cũng có người cẩn thận sửa chữ 宜しく khi nhập từ “yoroshiku” hay thậm chí lưu lại cách viết 宜しく như một từ mới.

Dù có bắt gặp chữ 宜しく, chúng ta cũng hiếm khi học về nó một cách bài bản. Hiện tượng này tương tự như cách một số nhóm thanh niên thích dùng kiểu viết hỗn hợp theo âm Hán, chẳng hạn *Dạ Lộ Tử Khố* (tương ứng với cách phát âm *yo ro shi ku*), để thể hiện phong cách bất cần của hội “trẻ trâu” thích đua xe. Vì không được học về chữ 宜しく một cách chính thống nên nhiều người lại có xu hướng xem nó như một cách viết của người lớn. Do chỉ nhớ mang máng và có ấn tượng rằng “chắc nó là chữ Hán 宣 hay được dùng”, nên một số người vô tình viết theo cách đó. Tôi tin rằng nhiều trường hợp sử dụng sai Kanji cũng xuất phát từ những thói quen tương tự.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ chuyển đổi chữ Kana sang Kanji đã dẫn đến việc gia tăng lỗi nhập sai các từ đồng âm. Mặc dù có quan điểm cho rằng những từ sai như vậy đã dần biến mất, nhưng để tổng kết chính xác về hành vi viết của con người trong thực tế thì chúng ta không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm cá nhân hay hình ảnh.

Tôi thấy rất nhiều người Nhật vẫn giữ quan niệm rằng văn bản viết bằng Kanji mang lại cảm giác trang trọng hơn so với chữ Hiragana. Việc viết tay các chữ Kanji phức tạp cũng thường được coi là thể hiện sự lịch sự. Trong bối cảnh đó, có thể việc chuẩn hóa cách viết của những từ như “yoroshiku” và “tuyên ngôn” sẽ dẫn đến sự giao thoa và trùng lặp nhất định.

Ngay cả với phương pháp in nổi cũng đã từng xảy ra trường hợp sắp chữ sai do bản thảo viết tay của tác giả gây nhầm lẫn. Dù bản thảo đã qua tay biên tập viên, người hiệu đính, người sắp hộp in, người xếp chữ... nhưng nét chữ rối mắt vẫn khiến họ vô tình sắp chữ sai, chẳng hạn như từ 宣しく. Ngay cả khi bản thảo đã hoàn toàn chính xác, lỗi vẫn có thể phát sinh trong quá trình chuyển đổi giữa các công đoạn.

Ngoài ra, khi tiến hành khảo sát các trích dẫn trong cuốn *Tổng quy hoạch hành chính đất Nhật Bản* và nghiên cứu bộ tổng hợp JIS Kanji, tôi đã bắt gặp nhiều lần một lỗi in nổi liên quan đến địa danh có chữ 萱 (chữ 宣 kết hợp với bộ 艹). Lỗi này khiến chữ 萱 bị in nhầm thành 宜 (chữ 宜 kết hợp với bộ 艹). Sự nhầm lẫn này phổ biến đến mức chữ 萱 đã được đưa vào Bộ tiêu chuẩn thứ hai của JIS Kanji (gồm 3.390 chữ ít được sử dụng hơn). Thực tế, sự nhầm lẫn giữa hai chữ 宣 và 宜 vốn đã tồn tại từ lâu. Điều này cho thấy rằng dù lỗi xảy ra trong quá trình viết tay, in nổi hay thiết bị điện tử, nguyên nhân cốt lõi vẫn nằm ở sự thay đổi liên tục trong quá trình sản xuất.

Trên thực tế, hiện tượng một nhóm chữ Hán có hình dáng tương tự nhưng ý nghĩa khác nhau xuất hiện nhiều lần trong lịch sử. Chẳng hạn, các chữ 巳, 己, 卮 thường bị nhầm lẫn (xem thêm trang...). Tuy nhiên, khác với sự phổ biến của các chữ đồng âm, những nhầm lẫn xuất phát từ hình dạng chữ chưa bao giờ được công nhận chính thức.

CHỮ THỌ (寿) TRONG NGÀY TẾT

Sự thay đổi của bốn mùa ở Nhật Bản vô cùng đặc sắc. Mỗi mùa lại gắn với những ngày lễ khác nhau, và hệ thống chữ Kanji diễn tả các hiện tượng thời tiết cũng rất phong phú. Cứ đến dịp Tết, tần suất xuất hiện của chữ “thọ” (寿) lại tăng lên đáng kể. Chữ này có khá nhiều cách đọc như “kotobuki” hay “ju”, tùy thuộc vào ngữ cảnh, câu tục ngữ hay đối tượng sử dụng, nhưng nhìn chung đều mang ý nghĩa chúc mừng.

Ngoài tự thể 寿 thường thấy trên thiệp mừng năm mới, đồ trang trí hay tranh dán tại các cửa hàng, hẳn nhiều người cũng từng bắt gặp tự thể 寿. Nhiều ý kiến cho rằng so với tự thể 寿 vốn được giản lược từ tự thể 壽 theo Thảo thư, thì tự thể cổ mang lại cảm giác trang trọng và truyền thống hơn. Người ta thường nói: các cụ ngày xưa thật rành những chữ khó. Tuy nhiên, để ghi nhớ chữ này, người Nhật có một cách học khá đặc trưng, đó là chia nhỏ tự hình hoặc liên tưởng theo cách đọc thuần Nhật và Katakana. Chẳng hạn, có thể ghi nhớ bằng câu: “Samurai (士) có cây sáo (フエ) dài 1 inch (一寸)”. Điều thú vị là chữ 吋 (thốn) được mượn từ hệ đo lường kiểu Mỹ, khiến phương pháp ghi nhớ này có cảm giác như một bước “nhảy cóc” về thời đại.



Chữ “thọ” trên quạt

Chữ 寿 cũng hay xuất hiện trong các món ăn ngày Tết. Nó thường được viết bằng mực trắng trên hộp bánh ngọt truyền thống màu đỏ hoặc dưới dạng chữ nhựa trang trí dính trên các món ăn. Hồi nhỏ tôi có thói quen nhấc nhẹ chữ đó lên để có thể ăn vụng những món ngon phía dưới.¹

1. Về chữ 寿 trong từ *sushi* (寿司), các bạn có thể tham khảo bài tiểu luận sau: <http://www.waseda.jp/jp/opinion/2006/opinion221.html>.

Ngoài hai chữ 寿 và 壽, còn có một biến thể khác của chữ *thọ* là 壽, trong đó phần giữa chữ 工 được thay bằng 中. Biến thể này ra đời nhằm tạo sự liên mạch trong nét bút, giảm bớt số nét, đồng thời giúp chữ trông cân đối hơn. Chữ này từng xuất hiện trong *Tam kinh nghĩa số*¹, một văn bản được cho là do Thái tử Shōtoku viết.

Nhiều người cho rằng 壽 là một cách viết sai, nhưng thực tế, ngay cả chữ 壽 cũng là một biến thể khá xa so với dạng triện thư gốc. Chữ “*thọ*” có rất nhiều phiên bản đến mức người ta có thể vẽ ra cả một bức *Bách thọ đồ* (bản đồ trăm chữ thọ) để tập hợp chúng lại.

Chữ 寿 khi đọc theo âm Nhật có thể là “hisashi” (hoặc “hisashii”). Đặc biệt, do mang ý nghĩa “sống lâu trăm tuổi”, chữ này còn có cách đọc kéo dài thành “inochi nagashi”. Cách đọc này không chỉ xuất hiện trong Hán văn theo âm Nhật, chẳng hạn như câu “Nhân giả thọ” (Jinsha wa inochi nagashi) của Khổng Tử, mà còn được sử dụng trong thơ Haiku để tạo cảm giác gần gũi, bình dân.

Tuy nhiên, cách đọc “inochi nagashi” lại hiếm khi xuất hiện trong từ điển Hán – Nhật. Dù có một mục riêng trong *Đại ngôn hải*², cách đọc này lại không được liệt kê thành một mục chính trong *Nhật Bản Quốc ngữ Đại từ điển*. Trong các từ điển Quốc ngữ, nó cũng ít khi được xem như một từ đơn nên rất khó xác định liệu nó có thực sự được coi là một từ trong tiếng Nhật hay không.

Sự không nhất quán về đơn vị giữa một chữ Hán và một từ đơn trong tiếng Nhật vốn không phải là điều hiếm gặp. Tuy nhiên, nếu một chữ Hán có thể diễn đạt bằng hơn hai từ tiếng Nhật,

1. *Tam kinh nghĩa số* (三経義疏) là một văn bản Phật giáo cổ được cho là do Thái tử Shōtoku (聖徳太子) biên soạn vào đầu thế kỷ VII. Đây là một trong những tác phẩm Phật học đầu tiên bằng chữ Hán được sáng tác tại Nhật Bản và được xem là dấu mốc quan trọng cho sự du nhập và bản địa hóa tư tưởng Phật giáo tại quốc gia này. (BT)

2. *Đại ngôn hải* (大言海) là một bộ từ điển Quốc ngữ đồ sộ bằng tiếng Nhật, được biên soạn bởi học giả Ōtsuki Fumihiko (大槻文彦), một trong những nhà ngôn ngữ học tiên phong của Nhật Bản thời Minh Trị. (BT)

như kotoboku (寿ぐ/言祝ぐ) hay kokoroyoi (快い/心良い) thì thường được xem là một từ đơn. Ngược lại, có những trường hợp chữ Hán phải giải thích bằng một cụm từ dài, chẳng hạn như chữ 駮, với cách đọc là “Kuchi no kuroi uma” (con ngựa có miệng đen). “Inochi nagashi” có thể xem là một trường hợp hiếm hoi không hoàn toàn phù hợp với quy tắc này.

“SAMURAI HƯỚNG TÂY”

Cứ bốn năm một lần, chúng ta lại đón một năm nhuận (閏年), khi tháng Hai có 29 ngày. Năm nhuận này được xác định bởi sự xuất hiện của “ngày nhuận” (閏日) trong lịch dương, tương tự như “tháng nhuận” (閏月) trong lịch âm và “giây nhuận” (閏秒) trong cách tính thời gian hiện đại.

Tôi nhớ rằng chữ “nhuận” (閏) có chứa chữ “vương” (王) bên trong chữ “môn” (門), thay vì chữ “nhâm” (壬) dù hai chữ có hình dạng khá giống nhau là nhờ một trang phụ lục trong tạp chí nghiên cứu mà tôi đọc hồi nhỏ. Tuy nhiên, trong *Từ điển Quốc ngữ Sanseido*, chữ này từng được ghi nhận với một dạng khác là 閏. Điều đó cho thấy trên thực tế, chữ này được sử dụng khá rộng rãi. Trong Bộ tiêu chuẩn thứ hai của JIS Kanji¹ cũng tồn tại một dị thể của chữ “nhuận” (閏), trong đó phần bên trong là 玉 thay vì 王.

Theo các từ điển cổ như *Thuyết văn giải tự* do Hứa Thận thời nhà Hán biên soạn, người xưa tin rằng tháng nhuận xuất hiện trong lịch âm, và hình tượng “nhà vua ngồi trong cửa” (chữ môn) thể hiện điều đó. Âm đọc “uruu” trong tiếng Nhật có liên quan đến chữ 潤 ㇿ, vốn được tạo ra bằng cách thêm bộ “ba chấm thủy” vào chữ 閏. Có người cho rằng đây chỉ là một sự nhầm lẫn, nhưng cũng có giả

1. JIS (Japanese Industrial Standards) nghĩa là những chữ Hán được chuẩn hóa để sử dụng trong các hệ thống máy tính, phần mềm, thiết bị điện tử tại Nhật Bản. Đây là một bộ ký tự được quy định trong tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản (日本工業規格, *Nihon Kōgyō Kikaku*), viết tắt là JIS. (BT)

thuyết cho rằng cách hiểu này phản ánh chính xác bản chất của chữ “uruou”.

Ngày nay, nếu không phải năm nhuận, tháng Hai chỉ có 28 ngày. Quy luật này do phương Tây đặt ra theo lịch dương, không liên quan đến lịch âm của Trung Quốc, nên độ dài của mỗi tháng khác nhau. Những tháng không đủ 31 ngày từ xa xưa đã được gọi là “tháng nhỏ” (*tiểu nguyệt*). Trên những tấm lịch thời Edo, chúng ta có thể thấy rất nhiều cách thể hiện sáng tạo để minh họa quy luật này.

Khi còn nhỏ, anh trai đã dạy cho tôi cách phân biệt các tháng trong năm bằng cách nhớ câu “Nishi muku samurai” (Samurai hướng Tây). Đây có vẻ là một phương pháp ghi nhớ khá phổ biến. Câu này giúp tôi dễ dàng nhận ra các tháng nhỏ nhờ vào cách ghép âm của các tháng: tháng 2 (*nhị, ni*), tháng 4 (*tứ, shi*), tháng 6 (*lục*, đọc theo âm Nhật là *mu*), và tháng 9 (*cửu*, đọc theo âm cổ là *ku*). Nhưng còn từ “samurai” thì sao? Nếu viết số 11 bằng chữ Hán, chúng ta sẽ có 十一 (*thập nhất*), nếu xếp chồng hai chữ này lại sẽ tạo thành chữ 士 (*sĩ*), và lúc ấy tôi chợt thốt lên “À” đầy ngạc nhiên. Tuy nhiên, lúc đó dù vẫn chưa hiểu rõ về chữ Hán, tôi mơ hồ nghĩ rằng chữ *sĩ* có thể đọc là “samurai” vì chữ này cũng có thể viết thành 武士 (*võ sĩ*), nhưng vẫn còn thắc mắc về chữ 侍. Thực ra, việc chữ 士 được đọc là “samurai” cùng với chữ 侍 đã có từ thời Trung cổ của Nhật Bản. Về ý nghĩa, chữ 士 mang hàm ý “người phụng sự” (với chữ 仕 ghép từ bộ Nhân đứng và chữ 士) hay “người học tập nghệ thuật chuyên môn”. Ở Nhật, nghĩa của chữ này lại được sử dụng trong võ sĩ (武士) và trong hệ thống phân chia xã hội “sĩ nông công thương”, nơi người phụng sự được phân chia theo thứ tự từ thân vương, công khanh đến võ gia. Cách đọc cũng thay đổi từ “saburafu” (候・侍ふ) thành “saburahi”, “saburai”, và cuối cùng là “samurai”.

Ngoài năm nhuận, còn có một khái niệm nhỏ hơn gọi là giây nhuận, thi thoảng được nhắc đến trên các phương tiện truyền thông như tivi, báo đài. Lý do cho sự xuất hiện của nó là vì giữa

thời gian đồng hồ nguyên tử và thời gian thực tế từ sự quay của Trái đất có sự sai lệch.

Thực tế, có rất nhiều yếu tố không ổn định trong cả quá trình quay của Trái đất và chuyển động quanh Mặt trời. Ví dụ, Đài Thiên văn Quốc gia Nhật Bản thường nói rằng thời điểm xuân phân và thu phân không thể xác định chính xác do “trạng thái vận hành của Trái đất thường xuyên thay đổi”.¹ Đây tưởng chừng là một điều hiển nhiên, nhưng nếu nghĩ kỹ, toàn bộ cuộc sống của chúng ta đều bị chi phối bởi sự vận hành của các thiên thể, thật là vừa kỳ diệu vừa huyền bí. Vào những ngày tháng bận rộn, tôi chỉ ước mình có thời gian để suy ngẫm về những chuyển động kịch tính của các hành tinh trong vũ trụ, chẳng bận tâm đến thứ tự của cả “vương” lẫn “sĩ”.

“TỪ ĐIỂN NẢO BỘ” VÀ KIM TỪ ĐIỂN

Sinh viên thời nay có vẻ nhẹ gánh hơn khi đi học. Nếu mang theo từ điển trong balo, dù có ngăn tử cá nhân ở trường thì “từ điển giấy” vẫn rất công kênh và nặng nề, khiến việc mang theo trở nên bất tiện. Chính vì vậy, “kim từ điển” ngày nay không chỉ tiện mang mà còn giúp chúng ta tìm kiếm nhanh chóng và dễ dàng nhiều chủ đề hữu ích ngay trong giờ học.

Tra cứu những điều mà mình chưa biết hoặc chưa rõ qua từ điển là một thói quen vô cùng đáng quý. Tuy nhiên, kim từ điển vẫn tồn tại nhiều thiếu sót mà từ điển giấy không gặp phải. Khi tôi chia sẻ quan điểm này, các bạn sinh viên thường ngạc nhiên và thắc mắc: “Làm gì có chuyện đó ạ?”, nhưng thực tế, cách hiển thị chữ Kanji trên màn hình đôi khi lại rất khác biệt so với từ điển giấy. Ví dụ, khi tra từ つかむ (*tsukamu*) trên kim từ điển, máy sẽ hiển thị chữ 掴む, trong khi từ điển giấy lại có chữ 掴む.

1. Lịch yếu khảo của Đài Thiên văn Quốc gia Nhật Bản công bố, nhờ đó ngày tháng của xuân phân và thu phân sẽ được xác định chính thức. (ND)